TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 40/2023/LĐ - ST
Ngày 19 tháng 9 năm 2023
V/v: "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bình – Cán bộ hưu trí.

2. Bà Phan Thị Thu Thảo - Phó Trưởng phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 96/2023/TLST-LĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc *"Tranh chấp về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-LĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2023/QĐST-LĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Văn C, sinh năm 1984.
Hộ khẩu thường trú: Số, ấp V, xã V, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
2. Bị đơn: Công ty TNHH sản xuất N.

Địa chỉ trụ sở: Số S, đường C, ấp B, xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phúc T - Giám đốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Số 219, đường Hà Huy giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh Thành - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Phương H - Phó Chánh Văn phòng, (theo văn bản ủy quyền ngày 05/7/2023).

(Tất cả các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là ông C trình bày:*

Ông được tuyển dụng vào làm việc cho Công ty TNHH sản xuất N (sau đây gọi tắt là Công ty) từ tháng 02 năm 2013. Trong thời gian làm việc Công ty ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn nhưng ông đã làm thất lạc hợp đồng lao động, công việc của ông là tổ trưởng bộ phận Nhám, mức lương cơ bản đóng bảo hiểm xã hội là trước khi nghỉ việc là 5.214.164đồng/tháng. Trong quá trình làm việc, ông luôn hoàn thành tốt công việc được giao. Hàng tháng, công ty vẫn trừ lương của ông để nộp tiền bảo hiểm xã hội theo quy định. Ngày 16 tháng 11 năm 2022, công ty có quyết định số 160/2022/QĐTV-AFM cho ông nghỉ việc căn cứ vào đơn xin nghỉ việc của ông nhưng thực tế ông không làm đơn xin nghỉ việc. Sau khi công ty cho nghỉ việc ông đi làm thủ tục để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì ông được biết Công ty còn nợ, chưa đóng tiền bảo hiểm xã hội cho ông từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 10 năm 2022.

Do vậy ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Tuyên bố Quyết định về việc giải quyết cho thôi việc số 160/2022/QĐTV-AFM ngày 16/11/2022 của Công ty TNHH Sản xuất N là trái pháp luật.

2. Trả tiền lương trong những ngày ông C không được làm việc từ ngày 16/11/2022 đến ngày Tòa án xét xử, tạm tính đến ngày 16/5/2023 (ngày ông C làm đơn khởi kiện) là 06 tháng: 5.214.164 đồng/tháng x 06 tháng = 31.284.984 đồng.

3. Trả thêm một khoản ít nhất bằng 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: 5.214.164 đồng/tháng x 02 tháng = 10.428.328 đồng.

4. Truy đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày ông C không được làm việc từ ngày 16/11/2022 đến ngày Tòa án xét

xử, tạm tính đến ngày 16/5/2023 là 06 tháng: 5.214.164 đồng/tháng x 06 tháng x 21,5% = 6.726.272 đồng.

Tổng cộng các khoản ông C yêu cầu là: 48.439.583 đồng.

5. Buộc công ty TNHH Sản xuất N phải đóng bảo hiểm xã hội cho ông C từ tháng 01/2020 đến tháng 10/2022 là 02 năm 06 tháng và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm cho ông C theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án ông C thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc buộc Công ty TNHH sản xuất N phải đóng tiền bảo hiểm xã hội cho ông từ tháng 01/2020 đến tháng 10/2022 nhưng trừ thời gian không tham gia bảo hiểm xã hội tháng 8 năm 2022. Đối với những yêu cầu khác ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là Công ty TNHH sản xuất N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản theo trình tự tố tụng nhưng không tham gia tố tụng và không cung cấp văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án:*

** Người có quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai do bà Đinh Thị Phương H có văn bản trình bày:* Ông Võ Văn C, sinh ngày 26/10/1984, mã số BHXH 7514151033 có quá trình tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH sản xuất N từ tháng 02/2014, Công ty TNHH sản xuất N chưa đóng bảo hiểm xã hội cho ông C từ tháng 01/2020 đến tháng 10/2022.

** Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều: 239, 243, 248, 249, 250, 251, 253, 254, 256, 260 và Điều 263 của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, 71, 72, 86, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và không đến tham gia tố tụng mặc dù đã được thông báo, triệu tập nhiều lần nên việc Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn để giải quyết dứt điểm vụ án là phù hợp.

Về nội dung tranh chấp: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn và buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[1.1] Căn cứ vào quan hệ lao động và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội*".

[1.2] Bị đơn là Công ty TNHH sản xuất N có trụ sở Cnh tại số S, đường C, ấp B, xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định tại sự khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Công ty TNHH sản xuất N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo cụ thể yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo cũng như các tài liệu, chứng cứ khác mà Tòa án đã thu thập được. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn không tham gia giải quyết vụ án, cũng không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Theo trình bày của ông C và thông tin do Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng cung cấp thì ông C có mã số BHXH là 7514151033 và có quá trình tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH sản xuất N từ tháng 02/2014. Công ty TNHH sản xuất N chưa đóng bảo hiểm xã

hội cho ông C từ tháng 01/2020 đến tháng 10/2022. Như vậy, việc ông C yêu cầu công ty phải đóng bảo hiểm xã hội cho ông C từ tháng 01/2020 đến tháng 10/2022 là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội, khoản 3 Điều 47 của Bộ luật Lao động nên yêu cầu khởi kiện của ông C là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu của ông C về việc tuyên bố Công ty TNHH Sản Xuất N chấm dứt hợp đồng lao động với ông Thức trái pháp luật; buộc công ty phải bồi thường, trả tiền lương ông những ngày không được làm việc thì ông C đã thay đổi trong quá trình giải quyết vụ án. Việc ông C thay đổi yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí lao động sơ thẩm: Yêu cầu của ông C được chấp nhận nên Công ty TNHH sản xuất N phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[5] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm d khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235; Điều 238; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 3 Điều 47; Điều 186 của Bộ luật Lao động;

- Điều 18; khoản 1 Điều 19; khoản 2 và khoản 5 Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C đối với Công ty TNHH sản xuất N về việc "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội".

1.1. Buộc Công ty TNHH sản xuất N phải đóng tiền bảo hiểm xã hội cho ông Võ Văn C từ tháng 01/2020 đến tháng 10/2022 vào Quỹ BHXH do cơ quan BHXH tỉnh Đồng Nai quản lý theo quy định của pháp luật.

1.2. Buộc Công ty TNHH Sản Xuất N thực hiện xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho ông Võ Văn C theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH sản xuất N phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyệnVĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tuấn